

## VỀ VẤN ĐỀ CHUẨN HOÁ NGỮ ÂM CỦA TIẾNG VIỆT HIỆN NAY

GS.TS NGUYỄN ĐỨC TÒN

**Abstract:** Starting from the new idea that language standard is a subjective assessment (based on certain criteria by the native community) of a certain unit of language and the use of that language unit, and the distinction between Vietnamese as a high variation when it is the national language and that as a low variation when it exists in different dialect forms, this article proposes to solve the problem of standardizing Vietnamese pronunciation as follows.

Standard Vietnamese pronunciation as a low variation or a dialect is itself the natural accent or natural pronunciation which is considered representative of the language community in the area that uses that dialect.

Standard pronunciation or correct sounds of Vietnamese as the national language is the standard pronunciation of a super dialect which is formed on the basis of the northern Vietnamese dialect with the pronunciation of *Hanoi Capital dialect* as standard, added by some positive elements of other local dialects. The term *capital dialect* is understood as a standardized variation of Vietnamese commonly used in the urban area of Hanoi, especially in agencies and offices of the state, in the press, radio and TV of Hanoi and the state. Thus the standard accent or correct pronunciation of Vietnamese as the national language will coincide with the sounds recorded in standard spelling of the national language.

**Keywords:** *standardization, standardized pronunciation, correct Vietnamese sounds*

1. Việt Nam là quốc gia đa dân tộc và đa ngôn ngữ. Trong suốt chặng đường lịch sử hàng nghìn năm, 54 dân tộc cùng chung sống trên lãnh thổ Việt Nam đã đoàn kết một lòng đấu tranh anh dũng kiên cường để dựng nước và giữ nước. Cùng với quyền bình đẳng của các dân tộc, các ngôn ngữ của 54 dân tộc cũng đều bình đẳng về mặt pháp lí, nhưng có

sự phân công về chức năng. Do nước ta là một quốc gia đa dân tộc nên thực tế giao tiếp đòi hỏi phải có một ngôn ngữ để làm phương tiện giao tiếp chung giữa tất cả các dân tộc. Tiếng Việt - ngôn ngữ mang tên nước, đã được thực tế lịch sử giao cho đảm nhận chức năng đó, được tất cả các dân tộc ở Việt Nam tự nguyện thừa nhận là *tiếng phổ thông*, và trên thực tế tiếng Việt đã là ngôn ngữ chính

thức duy nhất hành chức trong phạm vi quản lý nhà nước, được chính quyền nhà nước sử dụng để giao tiếp với mọi công dân Việt Nam. Tiếng Việt được sử dụng để công bố các đạo luật và các văn kiện pháp luật khác, để viết các tài liệu chính thức, các biên bản, để thực hiện hoạt động của các cơ quan chính quyền, cơ quan quản lý và toà án, thực hiện công tác hành chính và thư từ trao đổi chính thức. Tiếng Việt cũng được sử dụng trên các biển hiệu, trong các thông báo chính thức, các ấn phẩm và đề khắc dấu, ghi nhãn hiệu hàng hoá trong nước, ghi các kí hiệu giao thông, đặt tên đường phố và quảng trường. Tiếng Việt cũng là ngôn ngữ dùng để thực hiện việc giảng dạy trong nhà trường các cấp. Tiếng Việt được sử dụng chủ yếu trên đài phát thanh và đài truyền hình, trong báo chí... Chính vì thế, tiếng Việt đã được xác nhận và khẳng định là *ngôn ngữ quốc gia* của Việt Nam trong Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội khóa XIII thông qua tại kì họp thứ 6, ngày 28 tháng 11 năm 2013, được Chủ tịch nước kí Lệnh công bố ngày 08 tháng 12 năm 2013, có hiệu lực từ ngày 01/01/2014.

2. Như chúng ta biết, kể từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay, tiếng Việt đã vươn lên địa vị là ngôn ngữ quốc gia của Việt Nam. Về cơ bản, tiếng Việt đã và đang hoàn thành tốt các chức năng của mình với tư cách là phương tiện giao tiếp quan trọng nhất trên tất cả mọi lĩnh vực hoạt động của đất nước. Tuy nhiên, là một hiện tượng xã hội đặc biệt, có

sự ổn định tương đối để thực hiện các chức năng, tiếng Việt, cũng như các ngôn ngữ khác trên thế giới, luôn luôn có sự biến đổi và phát triển không ngừng, nghĩa là có rất nhiều yếu tố đã bị mất đi hoặc đang lùi dần vào dĩ vãng, thay vào đó là rất nhiều yếu tố mới xuất hiện trên tất cả các cấp độ ngữ âm, ngữ pháp và đặc biệt là cấp độ từ vựng. Trong sự phát triển như vậy của tiếng Việt, có khi hiện tượng ngôn ngữ cũ chưa bị mất hẳn, nhưng hiện tượng ngôn ngữ mới xuất hiện vẫn chưa thể hoàn toàn thắng thế. Ngoài ra, nhiều hiện tượng mang tính biến thể cũng được sử dụng... Tất cả những trường hợp như vậy đã tạo nên tình trạng "lưỡng khả" (từ của Hoàng Phê) trong sử dụng. Đây chính là nguồn gốc tạo ra sự không thống nhất trong tiếng Việt mà nhiều người đã đánh giá hiện trạng này bằng những từ ngữ khác nhau, như "rối loạn", "không nhất quán", "thiếu chuẩn mực", "làm ô nhiễm tiếng Việt"... Trong khi đó, các nhà chuẩn hóa lại cũng chấp nhận sự "lưỡng khả" này thì tình trạng không thống nhất của tiếng Việt càng có nguy cơ bùng phát. Thực trạng sử dụng thiếu thống nhất đó đã làm phương hại đến hiệu quả giao tiếp của tiếng Việt, nhất là trong những lĩnh vực đòi hỏi sự chính xác hóa, như các lĩnh vực giao tiếp hành chính, quân sự, chính trị, ngoại giao, khoa học và công nghệ... Thực tế này đặt ra nhu cầu bức thiết là cần phải chuẩn hóa để tiếng Việt hoàn thành tốt hơn nữa chức năng của nó với tư cách là ngôn ngữ quốc gia.

Một trong những vấn đề quan trọng hàng đầu cần được chuẩn hóa trước tiên là vấn đề chuẩn hóa ngữ âm (tức giải quyết vấn đề chính âm) của tiếng Việt hiện nay. Bởi vì, Hoàng Phê đã chỉ rõ: "Bản thân cách phát âm tiêu chuẩn của tiếng Việt là một vấn đề rất lớn. Nó là một mặt của sự đòi hỏi thống nhất và tiêu chuẩn hóa của tiếng Việt hiện đại. Có xác định cách phát âm tiêu chuẩn của tiếng Việt thì mới có căn cứ để nghiên cứu cải tiến chữ quốc ngữ và nghiên cứu thống nhất chính tả" [4, 657].

### 3. Quan điểm về "chuẩn"- cơ sở để chuẩn hóa ngôn ngữ

Để có cơ sở lí luận giải quyết hoặc xử lí các trường hợp sử dụng không thống nhất cần được chuẩn hóa trong tiếng Việt hiện nay nói chung, chuẩn hóa ngữ âm tiếng Việt nói riêng, trước hết cần phải có quan điểm khoa học về khái niệm "chuẩn" của ngôn ngữ.

Chúng tôi đã có dịp trình bày cặn kẽ quan điểm của mình về khái niệm "chuẩn" của ngôn ngữ (xem [10, 19-26]), ở đây chỉ xin nhắc lại một cách ngắn gọn như sau:

Theo quan điểm truyền thống, "chuẩn" của ngôn ngữ là một thực thể tồn tại khách quan trong mỗi thời kì, mỗi giai đoạn của ngôn ngữ, luôn luôn có nguy cơ bị phá vỡ để tạo ra cái chuẩn mới. Đồng thời có quan điểm cho rằng thậm chí có thể có nhiều chuẩn cùng tồn tại tạo nên tình trạng "luông khà" trong cách sử dụng một đơn vị ngôn ngữ.

Theo quan điểm của chúng tôi, *chuẩn chỉ là sự đánh giá chủ quan (dựa trên một số tiêu chí nhất định) của cộng đồng người bản ngữ đối với một đơn vị ngôn ngữ nào đó và việc sử dụng đơn vị ngôn ngữ ấy; chỉ có một chuẩn mà thôi*, còn các đơn vị ngôn ngữ cụ thể nếu đáp ứng được những tiêu chuẩn ấy trong hoàn cảnh giao tiếp nhất định thì được coi là "cái đạt chuẩn". Chuẩn có tính lịch sử. Chuẩn này được hiện thực hóa thành mẫu. Người sử dụng ngôn ngữ dựa theo mẫu này để cấu tạo và sử dụng đơn vị ngôn ngữ cho phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp cụ thể của mình. Do đó "chuẩn" của một từ ngữ nói riêng, đơn vị ngôn ngữ nói chung, chính là một bộ tiêu chuẩn quy định rõ ràng nó được cấu tạo và sử dụng như thế nào và khi nào trong các hoàn cảnh giao tiếp cụ thể.

Theo Hoàng Thị Châu: "Bây giờ sự chuẩn hoá nhằm vào đối tượng rộng rãi: nói và viết sao cho nhân dân dễ hiểu nhất, chính xác nhất, đáp ứng được mọi yêu cầu của khoa học và kĩ thuật. Do đó, việc chuẩn hoá mở rộng: nó chấp nhận sự tiếp thu những yếu tố tích cực của ngôn ngữ quản chúng của các phương ngữ, và cả những cách diễn đạt của nước ngoài phù hợp với yêu cầu của cách mạng khoa học và kĩ thuật" [3, 49-50].

4. Hiện nay, tiếng Việt tồn tại dưới dạng các phương ngữ. Theo quan điểm được đa số các nhà nghiên cứu chấp nhận thì tiếng Việt được chia ra thành ba phương ngữ lớn: Bắc Bộ,

Trung Bộ và Nam Bộ, được nhân dân gọi là giọng Bắc, giọng Trung và giọng Nam.

Đặc điểm hệ thống ngữ âm từng phương ngữ của tiếng Việt đã được Hoàng Thị Châu miêu tả khá cụ thể trong công trình [3]. Chính đặc điểm hệ thống ngữ âm của từng phương ngữ này đã gây nên những cách phát âm không thống nhất cần được chuẩn hóa đối với tiếng Việt với tư cách là ngôn ngữ quốc gia. Chẳng hạn, có thể nêu những trường hợp phát âm không thống nhất chủ yếu giữa các địa phương như sau:

#### a) Về phụ âm

- Cách phát âm không có sự phân biệt các phụ âm đầu được ghi bằng các con chữ: *tr-ch*, *r-d-gi*, *s-x* trong các âm tiết của phương ngữ Bắc Bộ so với hai phương ngữ còn lại, chẳng hạn, *trầu* và *chầu*, *ra - da - gia*, *sầu* và *xầu*...;

- Cách phát âm không có sự phân biệt các phụ âm đầu được ghi bằng các con chữ: *v* và *d*, *gi* trong các âm tiết của phương ngữ Nam Bộ so với hai phương ngữ còn lại, thí dụ: *vẻ*, *vó*, ... trong phương ngữ Bắc Bộ và Trung Bộ được phát âm thành *dzẻ*, *dzó*, ... trong phương ngữ Nam Bộ;

- Cách phát âm không có sự phân biệt các phụ âm cuối được ghi bằng các con chữ: *n / ng* và *t / c* trong âm tiết phương ngữ Nam Bộ so với hai phương ngữ còn lại, thí dụ: *buôn* *buốt*

trong phương ngữ Bắc Bộ và Trung Bộ được phát âm thành *buông* *buốc* (trong phương ngữ Nam Bộ).

#### b) Về nguyên âm

Cách phát âm một số nguyên âm đôi thành nguyên âm đơn, hoặc kéo dài một nguyên âm, thí dụ: /*uo*/ phát âm thành /*iê*/ (chẳng hạn, *ruou* được phát âm thành *riêu*, *huou* được phát âm thành *hiêu*), /*iê*/ phát âm thành /*ê*/ (chẳng hạn, *nhiêu* được phát âm thành *nhêu*); /*e*/ phát âm thành /*ee*/, /*o*/ thành /*oo*/ (chẳng hạn, *em* được phát âm thành *eem*, *hoc* được phát âm thành *hooc*); /*i*/ phát âm thành /*a*/ (chẳng hạn, *chính* được phát âm thành *chánh*)...

#### c) Về thanh điệu

Một số thanh điệu bị phát âm lẫn lộn trong phương ngữ Trung Bộ và Nam Bộ so với phương ngữ Bắc Bộ, thí dụ: thanh *ngã* (trong phương ngữ Bắc Bộ) bị phát âm thành thanh *hỏi* trong phương ngữ Trung Bộ và Nam Bộ (thí dụ: *định sẵn* được phát âm thành *định sẵn*...); hay thanh *sắc* bị phát âm thành thanh *hỏi* ở phương ngữ Trung Bộ (chẳng hạn, *thúng* được phát âm thành *thùng*)...

Hiện nay, trên các phương tiện truyền thông đại chúng và trong giao tiếp hành chính cũng như hoạt động giao tiếp trong nhà trường có thể nhận thấy cách phát âm như sau:

- Trên Đài tiếng nói Việt Nam, Đài truyền hình Việt Nam cũng như các đài phát thanh - truyền hình ở các địa phương, các phát thanh viên chỉ

cố gắng phát âm phân biệt rõ ràng để không có sự lẫn lộn giữa *n* và *l* (nếu không sẽ bị coi là nói ngọng), còn lại nhìn chung vẫn sử dụng cách phát âm và giọng nói địa phương tự nhiên vốn có như: không phân biệt *tr-ch*, *r-d-gi*, *s-x*; sử dụng cả ba giọng nói Bắc, Trung và Nam.

- Trong nhà trường, việc phát âm chuẩn phân biệt *tr-ch*, *r-d-gi*, *s-x*, hay chuẩn các vần, thanh điệu... chỉ diễn ra khi đọc đề cho học sinh viết đúng chính tả. Ngoài hoàn cảnh đó ra, chính các giáo viên trong khi giao tiếp cũng thường không tự ý thức về cách phát âm các âm này đúng chuẩn như trên chữ viết.

- Trong giao tiếp hành chính, các nhân viên công vụ và nhân dân vẫn sử dụng cách phát âm và giọng nói quen thuộc của địa phương mình.

Vậy vấn đề chuẩn phát âm hay chính âm của tiếng Việt cần phải được xử lý, giải quyết như thế nào? Cần chọn giọng nào hay âm của phương ngữ nào để coi là chính âm của tiếng Việt hiện nay nói chung, tiếng Việt với tư cách là ngôn ngữ quốc gia nói riêng?

Hiện thời vẫn chưa có một quy định chung nào về âm chuẩn hay chính âm của tiếng Việt. Vấn đề nên chọn giọng nào làm giọng chuẩn, tức xác định chính âm tiếng Việt, hiện có những quan điểm như sau:

- Quan điểm thứ nhất, Hồng Giao cho rằng nên lấy cách phát âm tiếng miền Bắc làm cơ sở và chọn cách

phát âm của tiếng Hà Nội làm chuẩn mực [6, 61-82].

- Quan điểm thứ hai, Hoàng Phê chủ trương nên lấy cách phát âm tiếng miền Bắc làm cơ sở và chọn cách phát âm của tiếng Hà Nội làm tiêu biểu, có bổ sung thêm những yếu tố ngữ âm tích cực của các địa phương khác [4, 529, 784, 785, 791, 824, 842...].

- Theo quan điểm thứ ba, Hoàng Tuệ có ý ủng hộ việc chọn cách phát âm của "phương ngữ (ông gọi là *phương ngôn* - NĐT) Vinh (lấy địa phương Vinh làm tiêu biểu và bao gồm cả miền Nam Thanh Hóa và miền Bắc Hà Tĩnh)" làm chuẩn ngữ âm của tiếng Việt vì đây là phương ngữ có cách phát âm điển hình về chuẩn mực, "có đủ các âm cuốn lưỡi ấy (tức các phụ âm đầu được ghi bằng các con chữ *tr*, *s*, *gi* - NĐT), và có cả sự đối lập *z/j*, tức là sự khác nhau giữa (*d*) và (*gi*), cũng đủ cả sáu thanh điệu (...)" [5, 93].

- Quan điểm thứ tư, N.D. Andréép chủ trương nên chọn các yếu tố phát âm trội để có được một siêu phương ngữ. Chẳng hạn, có năm nguyên tắc xác định chuẩn phát âm, gồm: 1) Dễ hiểu; 2) Càng ít chữ đồng âm càng tốt; 3) Tiến bộ; 4) Theo tiếng thủ đô; 5) Kết hợp cả ba nhân tố là tiếng thủ đô, tiếng địa phương, chữ viết [2].

- Quan điểm thứ năm, Nguyễn Lân lại muốn chọn theo nguyên tắc tự nhiên: Cách phát âm của tiếng địa phương nào mà rõ ràng, phân biệt được các âm và thanh điệu thì coi là

âm chuẩn (còn nếu không đạt được như vậy thì phải theo âm chuẩn) [11].

Theo quan điểm của chúng tôi, đề giải quyết vấn đề này cần xuất phát từ lí thuyết ngôn ngữ học xã hội và thực tế cảnh huống ngôn ngữ ở Việt Nam hiện nay.

Trong Ngôn ngữ học xã hội (chẳng hạn, [1]; [12]; [13]; [14]), các nhà nghiên cứu sử dụng thuật ngữ *đa thể ngữ* để chỉ hai hoặc trên hai ngôn ngữ có chức năng khác nhau được sử dụng tương đối ổn định và lâu dài trong một cộng đồng xã hội và các chức năng đó được xã hội công nhận. Tùy thuộc chức năng của mỗi ngôn ngữ, các ngôn ngữ có thể được chia ra thành ngôn ngữ cao / biến thể cao (High, kí hiệu: H) và ngôn ngữ thấp / biến thể thấp (Low, kí hiệu: L). Biến thể cao (H) được sử dụng trong hoàn cảnh giao tiếp mang tính nghi thức (hay quy thức) như trên các phương tiện thông tin đại chúng, trong giáo dục, ngoại giao, khoa học, v.v...; Biến thể thấp (L) được sử dụng trong hoàn cảnh giao tiếp không chính thức (hay phi quy thức) có tính chất riêng tư như trong phạm vi gia đình, bạn bè, v.v...

Như kết quả nghiên cứu của chúng tôi về cảnh huống ngôn ngữ ở Việt Nam hiện nay [9] đã chỉ ra, Việt Nam là quốc gia đa ngữ và cũng là quốc gia đa thể ngữ, trong đó tiếng Việt là ngôn ngữ quốc gia, là phương tiện giao tiếp giữa tất cả các dân tộc cùng chung sống trên lãnh thổ Việt Nam, còn các ngôn ngữ dân tộc thiểu số là tiếng mẹ đẻ có vai trò là phương tiện giao tiếp

trong nội bộ một tộc người và phạm vi gia đình... Như vậy, theo lí thuyết ngôn ngữ học xã hội, trong mối quan hệ giữa tiếng Việt với các ngôn ngữ dân tộc thiểu số thì tiếng Việt là ngôn ngữ cao / biến thể cao (H), còn các ngôn ngữ dân tộc thiểu số là ngôn ngữ thấp / biến thể thấp (L).

Tuy nhiên, trên thực tế, chỉ trong phạm vi tiếng Việt cũng có hiện tượng đa thể ngữ. Cụ thể là: tiếng Việt với tư cách là biến thể thực hiện chức năng ngôn ngữ quốc gia sẽ là biến thể cao. Còn tiếng Việt với tư cách là các phương ngữ thực hiện chức năng giao tiếp trong phạm vi gia đình và địa phương ở mỗi vùng miền là biến thể thấp. Do đó cần có cách chọn chính âm hay chuẩn ngữ âm khác nhau cho mỗi loại biến thể này của tiếng Việt.

Chúng tôi đề nghị, nếu đã quan niệm *chuẩn chỉ là sự đánh giá chủ quan (dựa trên một số tiêu chí nhất định) của cộng đồng người bản ngữ đối với một đơn vị ngôn ngữ nào đó*, thì giọng nói tự nhiên, hay cách phát âm tự nhiên của cộng đồng ngôn ngữ được coi là tiêu biểu cho mỗi phương ngữ (Bắc Bộ, Trung Bộ hay Nam Bộ) có thể và cần được coi chính là chuẩn phát âm của tiếng Việt ở vùng miền sử dụng phương ngữ ấy. Vấn đề chuẩn chính âm của tiếng Việt với tư cách là biến thể thấp (hay phương ngữ) được giải quyết như vậy cũng rất phù hợp với thái độ ngôn ngữ hay tình cảm của mỗi người đối với giọng nói thân thương của tiếng mẹ đẻ của mình.

Chính vì lẽ đó tục ngữ Việt Nam đã có câu răn dạy không được nhại hay "pha tiếng" nói theo giọng địa phương của người khác để giấu cợt.

Vấn đề chọn chuẩn ngữ âm hay chính âm cho tiếng Việt với tư cách là ngôn ngữ cao - biến thể cao hay ngôn ngữ quốc gia, thì phức tạp hơn nhiều. Trong trường hợp này, chúng tôi ủng hộ quan điểm coi tiếng Việt là một siêu phương ngữ. Tuy nhiên quan điểm của chúng tôi có sự khác biệt so với quan điểm của các tác giả đi trước (như Hồng Giao hay Hoàng Phê chẳng hạn) ở chỗ: Chúng tôi chọn tiếng Việt với tư cách là ngôn ngữ cao - biến thể cao hay ngôn ngữ quốc gia được hình thành dựa trên cơ sở phương ngữ Bắc Bộ với cách phát âm của *tiếng thủ đô* là chuẩn mực, và "có bổ sung thêm những yếu tố ngữ âm tích cực của các địa phương khác" (theo Hoàng Phê), chẳng hạn, bổ sung thêm các cặp phụ âm phân biệt nhau được ghi bằng các con chữ: *tr-ch, s-x, r-d-gi* và "tiếp thu cả những cách diễn đạt của nước ngoài phù hợp với yêu cầu của cách mạng khoa học và kỹ thuật" (Hoàng Thị Châu) [3, 49-50]. Như vậy chuẩn ngữ âm hay chính âm của tiếng Việt với tư cách ngôn ngữ quốc gia sẽ trùng với âm được ghi theo chuẩn chính tả của chữ quốc ngữ.

Ở đây chúng tôi xin lưu ý rằng chọn chuẩn mực là cách phát âm của *tiếng thủ đô*, chứ không phải *tiếng Hà Nội* nói chung (như ý kiến của

Hồng Giao và Hoàng Phê đã dẫn trên đây). Chúng tôi đã phân biệt các khái niệm *tiếng thủ đô* và *tiếng Hà Nội* như sau: *tiếng Hà Nội* bao gồm không chỉ biến thể ngôn ngữ chuẩn mực của tiếng Việt văn học, mà nó còn có cả những biến thể không chuẩn mực - *các thổ ngữ*. Chẳng hạn, thổ ngữ Đông Anh, thổ ngữ Cổ Nhuế (Từ Liêm), thổ ngữ Sơn Tây... Khái niệm *tiếng thủ đô*, theo quan niệm của chúng tôi, có ngoại diên hẹp hơn, nó chỉ là biến thể chuẩn mực của tiếng Việt thường được sử dụng ở vùng nội thành của Hà Nội, đặc biệt là trong các cơ quan, công sở của Nhà nước, trên báo chí, đài phát thanh và truyền hình của Hà Nội và của Trung ương (xem thêm quan niệm của chúng tôi về *tiếng thủ đô* trong [8]).

Do vậy, trên Đài truyền hình và Đài tiếng nói Việt Nam khi phát đi các văn kiện của Nhà nước, các phát ngôn ngoại giao... thì cần chọn cách phát âm siêu phương ngữ của tiếng Việt với tư cách ngôn ngữ quốc gia. Còn trong những chương trình khác hay trên đài phát thanh - truyền hình các địa phương, có thể chấp nhận cách phát âm chuẩn địa phương (thuộc ba vùng phương ngữ lớn).

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Baker, C., *Những cơ sở của giáo dục song ngữ và vấn đề song ngữ*, Nxb ĐHQG, Tp Hồ Chí Minh, 2008, (Đình Lưu Giang dịch).

2. Andr  p N.D., *Vấn đề bình thường hóa* (đúng ra là *chuẩn hóa -NDT*) *cách phát âm tiếng Việt Nam*, T/c Nghiên cứu Văn - Sử - Địa, Số 18, 1956.
3. Hoàng Thị Châu, *Tiếng Việt trên các miền đất nước* (Phương ngữ học), Nxb KHXH, H., 1989.
4. Hoàng Phê, *Hoàng Phê Tuyển tập*, Nxb KHXH, H., 2007.
5. Hoàng Tuệ, *Giáo trình về Việt ngữ: Sơ thảo*, Tập 1: *Ngữ pháp học*, Nxb GD, H., 1962.
6. Hồng Giao, *Vài ý kiến về tiếng Việt hiện thời*, Tập san Nghiên cứu Văn Sử Địa, Số 26, 1957.
7. Nguyễn Đức Tồn, *Cần phân biệt hai bình diện nhận thức và bản thể trong nghiên cứu ngôn ngữ học*, T/c Ngôn ngữ, Số 11, 2003.
8. Nguyễn Đức Tồn, *Về các khái niệm: tiếng Hà Nội, tiếng thủ đô trong mối quan hệ với những khái niệm có liên quan* (ngôn ngữ toàn dân, ngôn ngữ dân tộc, ngôn ngữ văn học, phương ngữ, phương ngữ đô thị, phương ngữ nông thôn), T/c Ngôn ngữ, Số 5, 2008.
9. Nguyễn Đức Tồn, *Chính sách ngôn ngữ của Nhà nước CHXHCN Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế: Thực trạng, các kiến nghị và giải pháp* (Đề tài cấp Bộ 2009 - 2010).
10. Nguyễn Đức Tồn, *Quan điểm mới về chuẩn ngôn ngữ và chuẩn hoá thuật ngữ*, T/c Ngôn ngữ, Số 1, 2013.
11. Nguyễn Lân, *Thư ngỏ gửi giáo sư Liên Xô N.D. Andr  p về vấn đề thống nhất cách phát âm tiếng Việt Nam*, Tập san Nghiên cứu Văn Sử Địa, Số 9, 1956.
12. Ferguson, C., *Diglossis*, Word 15, 1959.
13. Fishman J., A., *The Sociology of Language*. Rowley: Newbury House, 1972.
14. Швейцер А.Д. *Современная социолингвистика*, - М., Наука, 1976.